TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2026/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 5 - 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Lầu

2. Bà Nguyễn Thị Huế

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Nhung – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2026; Quyết định hoãn phiên toà số 31/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19/5/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lý Thị Đ, sinh ngày 07/04/1995; Nơi cư trú: xóm N, xã Y, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trương Văn Q, sinh ngày 23/8/1994; Nơi cư trú: xóm N, xã Y, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2026, bản tự khai ngày 14/4/2026 và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn Lý Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 14/11/2013, chị và anh Trương Văn Q tự nguyện cùng nhau đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng nay là Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Cao Bằng. Thời gian đầu chị và anh Q chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng 5 năm trở lại đây anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không cùng quan điểm sống, mặc dù đã được hai bên gia đình tích cực hoà giải nhưng anh chị vẫn không thể hoà hợp được. Chị và anh Q đã sống ly thân tính đến nay được khoảng 4 năm. Nay xác định

không còn tình cảm vợ chồng với anh Q, chị đề nghị Toà án cho chị được ly hôn với anh Trương Văn Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 03 con chung là: Trương Thị Kim H, sinh ngày 30/3/2012; Trương Thị H1, sinh ngày 8/3/2014 và Trương Thị V, sinh ngày 18/8/2018. Ly hôn, anh Q sẽ là người trực tiếp nuôi cả 03 con, trường hợp anh Q không có nguyện vọng nuôi con thì chị sẽ nuôi cả 03 con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Đ có nguyện vọng nuôi cả 03 con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng, trường hợp anh Q có nguyện vọng nuôi con, chị cũng đồng ý.

Về tài sản chung: Anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Bị đơn Trương Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Toà án không thể tiến hành lấy lời khai được và làm việc được.

Ngày 27/3/2026, Toà án nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng đã xác minh tại địa phương, kết quả, Ủy ban nhân dân xã Y cho biết: Chị Đ và anh Q đều có đăng ký thường trú tại xóm N, xã Y, tỉnh Cao Bằng, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y ngày 14/11/2013; Chị Đ và anh Q đi làm công nhân cho công ty ở tỉnh Bắc Ninh, địa chỉ cụ thể địa phương không nắm được. Anh Q bị Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng cũ nay là Toà án nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng 02 lần kết án về tội Trộm cắp tài sản các năm 2019, 2021. Sau khi chấp hành án trở về địa phương một thời gian thì anh Q đi làm thuê tại tỉnh Bắc Ninh và sống ly thân với chị Đ. Chị Đ có yêu cầu giải quyết ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về con chung: Anh Q và Chị Đ có 03 con chung là: Trương Thị Kim H, sinh ngày 30/3/2012; Trương Thị H1, sinh ngày 8/3/2014 và Trương Thị V, sinh ngày 18/8/2018, các cháu đều khoẻ mạnh và phát triển bình thường. Trường hợp hai bên không đoàn tụ được dẫn tới phải ly hôn, đề nghị Toà án căn cứ vào nguyện vọng của các cháu, sự thoả thuận của các bên và quy định của pháp luật để giải quyết vấn đề con chung.

Ngày 27/3/2026, Toà án ghi ý kiến của các cháu Trương Thị Kim H, sinh ngày 30/3/2012; Trương Thị H1, sinh ngày 8/3/2014 và Trương Thị V, sinh ngày 18/8/2018, các cháu đều có nguyện vọng muốn sống với chị Lý Thị Đ1.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng về: Thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định tư cách tham gia tố tụng; tiếp nhận tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp; thủ tục cấp, tống đạt văn bản tố tụng; thời hạn chuẩn bị xét xử; chuyển Quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đều đúng thời hạn.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 116 của Luật Hôn nhân và đình năm 2014; điểm a, c, khoản 3, Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lý Thị Đ được ly hôn anh Trương Văn Q.

Về con chung: Đề nghị giao các Trương Thị Kim H, sinh ngày 30/3/2012; Trương Thị H1, sinh ngày 8/3/2014 và Trương Thị V, sinh ngày 18/8/2018 cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, đề nghị không xem xét.

Về nợ chung: Không có, đề nghị Toà án không xem xét.

Về án phí: Đề nghị buộc chị Lý Thị Đ phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ với số tiền chị Đ tạm ứng án phí tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cao Bằng, chị Đ đã nộp đủ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lý Thị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Trương Văn Q, anh Trương Văn Q có nơi cư trú tại xóm N, xã Y, tỉnh Cao Bằng; Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng.

Nguyên đơn Lý Thị Đ, bị đơn Trương Văn Q đã được Toà án triệu tập hợp lệ, nguyên đơn là chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Q được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do; Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; điểm a, b, khoản 1, Điều 238 của Bộ luật tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị Đ và anh Trương Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 14/11/2013 Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng nay là Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Cao Bằng nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn còn anh Q được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà án làm việc. Toà án căn cứ vào trình bày của nguyên đơn, các chứng cứ tài liệu đã thu thập được để giải quyết yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể, chị Đ trình bày quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh

chị không cùng quan điểm sống, anh chị đã sống ly thân được 04 năm. Ý kiến trình bày của chị Đ cũng phù hợp với kết quả xác minh của Toà án tại địa phương vào ngày 27/3/2026, chị Đ và anh Q sống ly thân sau một thời gian khi anh Q chấp hành án trở về địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử xác định, hôn nhân giữa anh Q và Chị Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy sẽ không thể tạo nên một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Căn cứ vào khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và đình; điểm a, khoản 3, Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Chị Đ có yêu cầu xin ly hôn với anh Q là có cở sở, được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh Q có 03 con chung là: Trương Thị Kim H, sinh ngày 30/3/2012; Trương Thị H1, sinh ngày 8/3/2014 và Trương Thị V, sinh ngày 18/8/2018. Chị Đ có nguyện vọng nuôi cả 03 con, trường hợp anh Q có nguyện vọng nuôi con, chị cũng đồng ý. Do anh Q không đến Toà án để trình bày ý kiến nên Toà án không biết ý kiến của anh Q như thế nào về vấn đề con chung, do đó, yêu cầu của chị Đ được nuôi cả ba con được chấp nhận. Chị Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con là các cháu Trương Thị Kim H, sinh ngày 30/3/2012; Trương Thị H1, sinh ngày 8/3/2014 và Trương Thị V, sinh ngày 18/8/2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị Lý Thị Đ không yêu cầu chia tài sản chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Đ, căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tụng Dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chị Lý Thị Đ phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí nhân và gia đình sơ thẩm, anh Trương Văn Q không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Xác nhận, Chị Đ đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cao Bằng theo biên lai số 0000085 ngày 24/02/2026. Chị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng sự.

[10] Các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung, án phí ly hôn đều phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 58; khoản 2, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và đình năm 2014.

Khoản 1, Điều 28; Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm a, b, khoản 1, Điều 238; khoản 4, Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tụng sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Điểm a, khoản 3, Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị Đ về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" đối với anh Trương Văn Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị Đ được ly hôn với anh Trương Văn Q.

2. Về con chung: Giao các cháu Trương Thị Kim H, sinh ngày 30/3/2012; Trương Thị H1, sinh ngày 8/3/2014 và Trương Thị V, sinh ngày 18/8/2018 cho chị Lý Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu H, H1, V đủ 18 tuổi. Chị Lý Thị Đ không yêu cầu anh Trương Văn Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Án phí: Chị Lý Thị Đ phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí nhân và gia đình sơ thẩm, anh Trương Văn Q không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng Chị Đ đã nộp tạm ứng án phí tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cao Bằng theo biên lai số 0000085 ngày 24/02/2026. Đương sự đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 5 – Cao Bằng;
- Các đương sự;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cao Bằng;
- UBND xã YT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Thị Kim